TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 27/2019/QĐST-HNGĐ	*Sông Lô, ngày 09 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2019/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1985.

Nơi ĐKHK: Thôn Y, xã T, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Tạ Văn B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí;

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị Thu T và anh Tạ Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 01 con chung là Tạ Thị Thu P, sinh ngày 22/07/2008. Hiện nay cháu P đang ở cùng anh B. Ly hôn anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tạ Thị Thu P, sinh ngày 22/07/2008; Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn việc thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công sức: Chị T, anh B đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu T tự nguyện nộp 150.000đ và chị T phải nộp 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001455 ngày 26/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị Phan Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Quốc Hồng